

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.	
Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Huy Bình Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Văn Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên (Miễn nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Anh Tài Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Trương Đức Hùng	Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông **Trương Đức Hùng**, Phó Tổng Giám Đốc của Tổng Công ty để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Thư Ủy quyền ngày tháng năm 2021.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.227.142.523.048	3.330.754.353.547
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	663.852.835.691	654.548.204.348
111	Tiền		130.509.835.691	157.448.204.348
112	Các khoản tương đương tiền		533.343.000.000	497.100.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.146.068.876.712	1.859.568.876.712
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	2.146.068.876.712	1.859.568.876.712
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		362.767.152.884	773.760.902.688
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	62.419.883.547	180.489.523.364
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		10.326.028.775	10.099.956.944
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	343.276.316.131	636.426.497.949
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(59.057.315.319)	(59.057.315.319)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	5.802.239.750
140	Hàng tồn kho		13.864.211.215	15.012.310.408
141	Hàng tồn kho		13.864.211.215	15.012.310.408
150	Tài sản ngắn hạn khác		40.589.446.546	27.864.059.391
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		30.172.443.841	6.620.272.521
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	10.417.002.705	21.243.786.870

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.633.300.892.539	5.591.283.504.046
210	Các khoản phải thu dài hạn		46.358.492.274	46.356.492.274
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	46.358.492.274	46.356.492.274
220	Tài sản cố định		687.702.172.118	725.186.280.056
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	661.568.636.219	697.566.474.023
222	Nguyên giá		2.638.752.621.537	2.634.887.870.081
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.977.183.985.318)	(1.937.321.396.058)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	26.133.535.899	27.619.806.033
228	Nguyên giá		82.648.957.521	82.648.957.521
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(56.515.421.622)	(55.029.151.488)
230	Bất động sản đầu tư	10	10.050.535.392	11.155.096.392
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(79.161.300.033)	(78.056.739.033)
240	Tài sản dở dang dài hạn		582.615.112.170	563.121.973.400
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	582.615.112.170	563.121.973.400
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.226.179.014.990	4.161.026.526.285
251	Đầu tư vào công ty con	5(a)	1.247.939.972.394	1.182.787.483.689
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.633.636.789.502	2.633.636.789.502
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	738.214.360.459	738.214.360.459
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(d)	(393.612.107.365)	(393.612.107.365)
260	Tài sản dài hạn khác		80.395.565.595	84.437.135.639
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	70.984.793.627	75.026.363.671
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	9.410.771.968	9.410.771.968
270	TỔNG TÀI SẢN		8.860.443.415.587	8.922.037.857.593

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		785.050.471.213	699.233.906.411
310	Nợ ngắn hạn		665.900.411.135	575.935.115.633
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	21.224.467.807	32.245.789.807
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		30.545.375.237	21.859.928.817
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	176.594.823.174	92.569.869.865
314	Phải trả người lao động		104.183.763.934	158.403.105.533
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		6.250.946.217	1.861.342.559
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		25.099.376.206	33.195.016.028
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	150.269.826.581	150.607.519.165
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	151.731.831.979	85.192.543.859
330	Nợ dài hạn		119.150.060.078	123.298.790.778
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	85.742.815.650	89.652.863.666
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.407.244.428	33.645.927.112
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.075.392.944.374	8.222.803.951.182
410	Vốn chủ sở hữu		8.075.392.944.374	8.222.803.951.182
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	18	421.424.540.672	421.424.540.672
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	453.438.360.784	401.240.707.185
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	789.775.042.918	989.383.703.325
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		815.391.524.660	814.166.829.160
421b	- (Lỗi sau thuế)/LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		(25.616.481.742)	175.216.874.165
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.860.443.415.587	8.922.037.857.593


Trần Văn Huy
Người lập

Nguyễn Thị Thu Tâm
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính


Trương Đức Hùng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021	30.6.2020 (Trình bày lại - Thuyết minh 31)
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.817.456.436	474.219.313.568
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.817.456.436	474.219.313.568
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(371.703.794.146)	(420.923.825.846)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.113.662.290	53.295.487.722
21	Doanh thu hoạt động tài chính	60.895.472.367	195.636.865.050
22	Chi phí tài chính	(8.314.585)	(74.244.048)
25	Chi phí bán hàng	(17.063.443.578)	(31.186.117.656)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(76.221.932.623)	(89.867.191.061)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(29.284.556.129)	127.804.800.007
31	Thu nhập khác	3.728.442.532	3.163.999.154
32	Chi phí khác	(60.368.145)	(1.107.372.250)
40	Lợi nhuận khác	3.668.074.387	2.056.626.904
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.616.481.742)	129.861.426.911
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	(501.586.690)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(25.616.481.742)	129.359.840.221



Trần Văn Huy
Người lập



Nguyễn Thị Thu Tâm
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Trương Đức Hùng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021	30.6.2020 (Trình bày lại - Thuyết minh 31)
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.616.481.742)	129.861.426.911
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	27 40.172.340.719	43.095.089.992
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(56.583.787.609)	(191.853.220.983)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(42.027.928.632)	(18.896.704.080)
09	Giảm các khoản phải thu	100.918.423.219	9.499.897.799
10	Giảm hàng tồn kho	1.148.099.193	2.424.056.768
11	Giảm các khoản phải trả	(16.645.142.531)	(7.758.822.167)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(19.497.127.454)	9.274.588.675
15	Thuế TNDN đã nộp	-	(30.259.178.303)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	74.450.957	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(17.139.662.837)	(40.948.327.755)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6.831.111.915	(76.664.489.063)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(23.806.705.054)	(42.254.945.792)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.393.637	147.441.970
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(4.020.711.876.712)	(2.924.802.064.484)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	3.734.211.876.712	2.847.968.338.457
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(87.500.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	344.270.152.272	97.146.621.068
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	33.971.840.855	(109.294.608.781)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(31.498.321.427)	(305.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(31.498.321.427)	(305.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	9.304.631.343	(490.959.097.844)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3 654.548.204.348	1.093.829.818.920
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3 663.852.835.691	602.870.721.076

Trần Văn Huy
Người lập

Nguyễn Thị Thu Tâm
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Trương Đức Hùng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo hình thức Công ty Mẹ - Công ty con”, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm; và
- Đại lý bán vé tàu hỏa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Trường trung cấp Du lịch Khách sạn Saigontourist;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn;
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo; và
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Thành phố Móng Cái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 10 công ty con và 29 công ty liên doanh, liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 5.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 2.710 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.198 nhân viên).